

Số: 104/TTr-VP

Đoàn Kết, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Văn phòng HĐND và UBND phường kính trình Hội đồng nhân dân phường dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY CHẾ

Theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định “Hội đồng nhân dân ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường”.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ban hành Nghị quyết số 104/2025/UBTVQH15 về Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu trong đó tại Điều 2 có quy định “Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Quy chế làm việc của cấp mình phù hợp với Quy chế này, quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của địa phương”.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có đầy đủ cơ pháp lý,

cơ sở thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử ở địa phương trong nhiệm kỳ mới là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031 nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân phường; xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, mối quan hệ công tác giữa các chủ thể trong hoạt động của Hội đồng nhân dân phường.

2. Yêu cầu

- Tuân thủ đúng các nội dung Quy chế làm việc mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết 104/2025/UBTVQH15.

- Kế thừa một số nội dung còn phù hợp trong thực tiễn hoạt động của Hội đồng nhân dân phường của Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân phường khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; đồng thời bổ sung các quy định đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động trong giai đoạn hiện nay.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết: Gồm 03 Điều

2. Nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm 08 chương, 43 Điều. Nội dung chủ yếu như sau:

1. Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2).

Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng nhân dân phường; nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, trách nhiệm giải trình và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân phường.

2. Chương II: Hội đồng nhân dân phường (từ Điều 3 đến Điều 19).

Quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân; công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp; chương trình kỳ họp; trách nhiệm của chủ tọa kỳ họp, đại biểu tại kỳ họp; tổ thảo luận; công tác thư ký; tài liệu phục vụ kỳ họp; hình thức tiến hành kỳ họp; trình tự, thủ tục xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; trình tự, thủ tục về công tác nhân sự; hồ sơ nhân sự; đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật; thông tin về kỳ họp và hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường.

3. Chương III: Thường trực Hội đồng nhân dân (từ Điều 20 đến Điều 27).

Quy định về chế độ, hình thức làm việc; phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, văn bản kết luận phiên họp; trình tự xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản; trách nhiệm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên là Trưởng Ban; hoạt động tiếp công dân; hoạt động giám sát, khảo sát; chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Chương IV: Các Ban của Hội đồng nhân dân (từ Điều 28 đến Điều 33).

Quy định về chế độ, hình thức làm việc; phạm vi, lĩnh vực phụ trách; trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết; tổ chức phiên họp toàn thể Ban; xem xét, cho ý kiến bằng văn bản; hoạt động giám sát, khảo sát; trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên Ban.

5. Chương V: Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân (từ Điều 34 đến Điều 36).

Quy định về trách nhiệm của Tổ đại biểu; trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó; hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

6. Chương VI: Đại biểu Hội đồng nhân dân (từ Điều 37 đến Điều 39).

Quy định về quyền và trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân phường; hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

7. Chương VII: Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân với các cơ quan, đơn vị có liên quan (từ Điều 40 đến Điều 42).

Quy định quan hệ công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân phường.

8. Chương VIII: Điều khoản thi hành (Điều 43).

Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện và việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế trong quá trình thực hiện khi cần thiết.

Kính trình Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ban TT UBMTTQ VN phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Văn phòng HĐND-UBND phường;
- Lưu VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG**Vũ Mạnh Trường**

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ hai thông qua ngày/4/2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Lai Châu;
- Thường trực Đảng ủy;
- TT. HĐND, lãnh đạo UBND phường;
- Ban TT UBMTTQ phường;
- Các ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị của phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Đình Tiến

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết khóa V, nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Đoàn Kết.

b) Những nội dung liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; Văn phòng HĐND và UBND phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân phường chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng nhân dân phường

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân phường phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân, thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Hội đồng nhân dân phường hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước Hội đồng nhân dân phường; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng

con dấu của Hội đồng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổ đại biểu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thường về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Hội đồng nhân dân phường giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Chương II **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

Điều 3. Kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

1. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ.

Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân (*đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ*) và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó (*đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ*) theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

Điều 4. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn của địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân phường chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường tổ chức hội nghị giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cơ quan hữu quan để thống nhất về thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy phường về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường ban hành thông báo kế hoạch về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (*đối với kỳ họp thường lệ*); phân công các Ban của Hội đồng nhân dân phường thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của pháp luật và lĩnh vực các Ban phụ trách.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân phường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; trường hợp có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.

Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định tổ chức kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Việc tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất do Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định.

2. Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân phường do Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định triệu tập viên để triệu tập và Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân phường cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 6. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

Hội đồng nhân dân phường xem xét, thông qua chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình kỳ họp trình Hội đồng nhân dân khóa mới xem xét, quyết định.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp.

3. Chủ tọa kết luận.

4. Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp, Chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân phường

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân phường là Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân phường hoặc triệu tập viên.

Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường chủ tọa kỳ họp. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định Chủ tọa kỳ họp.

2. Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường. Trường hợp không tham dự các phiên họp, kỳ họp Hội đồng nhân dân phường thì phải có lý do và báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp, đồng thời thông tin cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường và thực hiện quyền giám sát, chất vấn, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đeo huy hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (*bao gồm cả tài liệu mật*), nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân phường để thảo luận, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ thảo luận có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân phường mời đại diện các cơ quan có liên quan tham dự phiên thảo luận của Tổ để làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

3. Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ thảo luận.

4. Tổ thảo luận tại kỳ họp tự giải tán sau khi kết thúc kỳ họp.

Điều 10. Công tác thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân phường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên trang thông tin điện tử của phường.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 11. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công thẩm tra (*qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường*) để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân phường chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường quyết định các tài liệu được lưu hành tại kỳ họp sau khi đã báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (*trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước*); đối với văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân nếu đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định chế độ quản lý và việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân đối với tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân phường theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm đăng tải tài liệu kỳ họp được phép công khai trên trang thông tin điện tử của phường hoặc niêm yết công khai theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

Điều 12. Hình thức tiến hành kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường

Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tiếp (*bao gồm cả họp kín*), trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân phường. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trường hợp họp kín thì thực hiện theo quy định của pháp luật và được ghi trong chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

Điều 13. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc triệu tập viên là Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng

nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp Hội đồng nhân dân phường. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân phường tổ chức họp phiên trừ bị (*nếu có*) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

Phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (*nếu có*) và một số nội dung khác theo chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân phường hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, chào cờ.

Điều 14. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp

Tùy từng nội dung cụ thể mà Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công thẩm tra hoặc chuẩn bị ý kiến nghiên cứu trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo nghiên cứu (*nếu có*);

3. Hội đồng nhân dân phường thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ thảo luận theo đề nghị của Chủ tọa hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, bộ phận làm nhiệm vụ thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

5. Việc biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại phiên họp Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (*nếu có*).

b) Hội đồng nhân dân phường thảo luận về nội dung của dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân phường về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (*nếu có*) trước khi nghị quyết được Hội đồng nhân dân phường thông qua. Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì Hội đồng nhân dân phường quyết định hoặc theo đề nghị của cơ

quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình quyết định lùi thời điểm trình Hội đồng nhân dân phường thông qua.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác theo Quy chế này. Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì sau khi Hội đồng nhân dân phường tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu làm việc và báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả biểu quyết.

6. Nội dung kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của Hội đồng nhân dân phường phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 15. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền

1. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân phường bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân phường giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường trong số đại biểu Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân phường thì Chủ tọa kỳ họp giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ các chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường.

Trường hợp người tự ứng cử hoặc người được đại biểu Hội đồng nhân dân phường đề cử ngoài danh sách do Thường trực Hội đồng nhân dân phường hoặc Chủ tọa kỳ họp (*trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân*) giới thiệu thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường hoặc Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân phường về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân phường (*nếu có*).

d) Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường.

đ) Hội đồng nhân dân phường bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Hội đồng nhân dân phường bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường bằng hình thức bỏ phiếu kín.

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu.

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân phường dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh.

i) Hội đồng nhân dân thảo luận về dự thảo nghị quyết.

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa phân công báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân phường về dự thảo nghị quyết (nếu có).

l) Hội đồng nhân dân phường biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân phường bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, khoản 1 Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân phường cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân bầu thì có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân phường cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu phường.

b) Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì Hội đồng nhân dân phường biểu quyết công khai và không bầu Ban kiểm phiếu; trường hợp bãi nhiệm thì bỏ phiếu kín.

4. Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, trình Hội đồng nhân dân phường quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong thời gian Hội đồng nhân dân phường không họp thì do Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

b) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân phường cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng nhân dân phường quyết định hình thức biểu quyết; trường hợp biểu quyết công khai thì không bầu Ban kiểm phiếu.

5. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 16. Hồ sơ về nhân sự trình Hội đồng nhân dân phường quyết định

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân phường bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường.

b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

c) Các tài liệu liên quan đến lý lịch, nhận xét, đánh giá, kết luận về nhân sự của cấp có thẩm quyền theo quy định.

d) Các tài liệu khác có liên quan do Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân phường cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu phường bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân phường xem xét cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu kèm theo đơn xin thôi giữ chức vụ, đơn xin từ chức (nếu có).

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường về việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền.

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân phường về việc được cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường bao gồm:

a) Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường của đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các tài liệu có liên quan.

b) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

c) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

4. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân phường về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền.

d) Văn bản ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi đại biểu Hội đồng nhân dân đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).

đ) Văn bản ý kiến của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi đại biểu Hội đồng nhân dân đang sinh hoạt (nếu có).

Điều 17. Trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân

1. Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở phường, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân qua Văn phòng HĐND và UBND phường.

2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua.

3. Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra hoặc có ý kiến về đề nghị lập danh mục hoặc đăng ký xây dựng nghị quyết và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị lập danh mục, đăng ký xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 điều này và Điều 21, Điều 23 Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 18. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm đăng tải công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên trang thông tin điện tử của phường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân được phát thanh, truyền thanh trực tiếp (trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân quyết định) theo chương trình kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

3. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân phường theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

Điều 19. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường

1. Hội đồng nhân dân phường thực hiện quyền giám sát theo quy định tại Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 27 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của Luật Tổ

chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chương III **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**

Điều 20. Chế độ, hình thức làm việc

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần hoặc khi cần thiết họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường. Phiên họp phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường tham dự.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Các quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân phường phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường đã biểu quyết, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân phường để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường làm việc thông qua các hình thức sau đây:

- a) Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất;
- b) Gửi xin ý kiến bằng văn bản;
- c) Hội nghị;
- d) Các đoàn công tác;
- đ) Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp, thành phần họp, triệu tập và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công các Ban của Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến các nội dung trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tham mưu nội dung, chương trình phiên họp, ghi biên bản phiên họp; chủ trì hoàn thiện các thông báo, kết luận phiên họp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của phiên họp.

4. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

5. Căn cứ vào chương trình phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp.

6. Trình tự tiến hành phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường được thực hiện như sau:

a) Chủ tọa phiên họp phát biểu khai mạc và gợi ý những nội dung tập trung thảo luận.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến.

c) Ban của Hội đồng nhân dân phường trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến nghiên cứu (nếu có).

d) Thường trực Hội đồng nhân dân phường thảo luận.

đ) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến (nếu có).

e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân phường về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có).

g) Chủ tọa kết luận.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định về việc mời cơ quan báo chí tham dự và đưa tin nội dung phiên họp (nếu có).

Điều 22. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chủ trì, phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công chủ trì thẩm tra xây dựng dự thảo thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân phường (nếu có) trình Chủ tọa phiên họp (trường

hợp là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định hoặc trình Chủ tọa phiên họp (trường hợp là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân) xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường ban hành văn bản Thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện (nếu có).

Điều 23. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân phường cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác) hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân phường (như: quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân; phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban Hội đồng nhân dân; các văn bản tham gia góp ý, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân; phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp...), Thường trực Hội đồng nhân dân phường tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì nội dung trình quyết định việc lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân phường bằng văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản gồm:

a) Văn bản đề nghị hoặc Tờ trình của cơ quan trình xin ý kiến.

b) Dự thảo nghị quyết hoặc văn bản trả lời của Thường trực Hội đồng nhân dân phường về nội dung xin ý kiến; phiếu biểu quyết bằng văn bản (nếu có).

c) Dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân phường (nếu có).

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến bằng văn bản thực hiện như sau:

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường gửi hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản tới các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường, đồng thời gửi Ban của Hội đồng nhân dân để thẩm tra (nếu cần thiết).

b) Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và ý kiến thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân phường (nếu có), thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường cho ý kiến vào dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và phiếu biểu quyết bằng văn bản, gửi về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường để tổng hợp.

c) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tổng hợp kết quả biểu quyết bằng phiếu, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phường báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường và gửi Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công thẩm tra (nếu có).

d) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự

thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

đ) Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công thẩm tra hoặc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện rà soát, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường ký ban hành nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân phường khi bảo đảm điều kiện theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công.

Điều 25. Hoạt động tiếp công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở phường mà đại biểu ứng cử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp công dân theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Nghị quyết 116/2025/UBTVQH15 quy định về việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường thừa lệnh Thường trực Hội đồng nhân dân phường ký thông báo lịch tiếp công dân hằng tháng của Thường

trực Hội đồng nhân dân, công khai lịch tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của phường và trên Trang thông tin điện tử phường Đoàn Kết, ký thừa lệnh thông báo kết luận tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Văn phòng HĐND và UBND phường chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường.

Điều 26. Hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

a) Thường trực Hội đồng nhân dân phường căn cứ vào tình hình thực tế tiến hành khảo sát việc thực hiện các chính sách pháp luật của phường; các kiến nghị của Hội đồng nhân dân phường; việc giải quyết kiến nghị của cử tri; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

b) Tổ chức khảo sát

Căn cứ vào chương trình công tác, Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát.

Thông báo chương trình, thành lập Đoàn khảo sát, nội dung, kế hoạch đề cương gợi ý báo cáo cho cơ quan, đơn vị thực hiện đúng nội dung, kế hoạch khảo sát.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị nơi Đoàn đến khảo sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát, giải trình vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm;

Kết thúc hoạt động khảo sát, Đoàn khảo sát hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát và gửi kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Điều 27. Chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện chế độ báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường; về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường yêu cầu các cơ quan cung cấp

thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trước mỗi lần họp báo (nếu có). Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương IV **CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Điều 28. Chế độ, hình thức làm việc

1. Ban của Hội đồng nhân dân phường làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ban của Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường (*báo cáo định kỳ hoặc đột xuất*); ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân phường để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Ban của Hội đồng nhân dân phường làm việc thông qua hình thức tổ chức phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất, gửi xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Phiên họp toàn thể Ban được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Ban tham dự. Kết luận của Ban được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban tán thành.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì nội dung xin ý kiến, thời hạn trả lời phải xác định rõ; kết quả lấy ý kiến được tổng hợp bằng văn bản và có giá trị như kết luận phiên họp của Ban.

Điều 29. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban do Hội đồng nhân dân phường Quyết định tại Quy chế này, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn phường, cụ thể:

a) Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân phường phụ trách các lĩnh vực: quy hoạch, quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính; đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông ở địa phương;

b) Ban Văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân phường phụ trách các lĩnh vực: tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp; tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền; giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao; khoa học, công

nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; quốc phòng - an ninh, dân tộc và tôn giáo ở địa phương.

2. Trong một số trường hợp, Thường trực Hội đồng nhân dân điều hòa nhiệm vụ giữa các Ban khác với phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Ban.

Điều 30. Trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo đến Ban của Hội đồng nhân dân phường được phân công thẩm tra. Hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo gửi thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định khác có liên quan và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

2. Ban của Hội đồng nhân dân phường tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra nghị quyết, đề án, báo cáo được phân công theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày;

b) Đại diện Ban trình bày báo cáo thẩm tra hoặc ý kiến của Ban (nếu có);

c) Tập thể Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến (nếu có);

e) Chủ tọa phiên họp kết luận;

g) Tập thể Ban biểu quyết.

3. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, đồng thời phải gửi đến cơ quan trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

Điều 31. Việc tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân phường và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản

1. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường; phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của HĐND phường dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân phường được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng Ban hoặc ủy viên của Ban chủ trì hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến về nội dung phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

4. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân (*do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác*) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản.

Trình tự, thủ tục Ban của Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản của Ban;

b) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban được giao nhiệm vụ nghiên cứu gửi hồ sơ, tài liệu, phiếu xin ý kiến để các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến và biểu quyết bằng văn bản;

c) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân phường được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban, hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng Ban xem xét quyết định ký ban hành;

d) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường ký văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các cơ quan, tổ chức có liên quan;

đ) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo (*nếu có*).

Điều 32. Hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hoạt động khảo sát

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, công tác chỉ đạo, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, Điều 26 Quy chế này.

Điều 33. Trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên

Ban của Hội đồng nhân dân phường có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng các ủy viên được Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định trên cơ sở đề xuất của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường.

1. Trách nhiệm của Trưởng Ban:

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, các nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công.

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban.

c) Thay mặt Ban trình bày báo cáo trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

d) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu).

đ) Xử lý văn bản đi, đến của Ban.

e) Ký văn bản của Ban.

2. Trách nhiệm của Phó Trưởng Ban:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban.

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban và Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

c) Ký các văn bản của Ban theo phân công của Trưởng Ban.

3. Trách nhiệm của Ủy viên:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban.

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban phân công.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 34. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân phường. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện giám sát về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công theo quy định của Luật Hoạt động giám sát

của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường ký các văn bản của Tổ.

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được Tổ trưởng phân công.

3. Thành viên của Tổ có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ, thực hiện các nhiệm vụ khi được Tổ trưởng phân công.

Điều 36. Hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

2. Hoạt động khảo sát

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, sự điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, Điều 26 Quy chế này.

Chương VI
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 37. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân phường

Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 38. Điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân phường

Đại biểu Hội đồng nhân dân phường được cấp hoạt động kinh phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định hiện hành.

Điều 39. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân phường

Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện giám sát theo quy định tại Điều 36 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 40. Quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND phường với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan.

1. Hội đồng nhân dân phường giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên, thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh và các cơ quan có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống cơ quan dân cử từ Tỉnh đến phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại phường trong tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 41. Quan hệ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường xây dựng và thống nhất ký kết Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường nhiệm kỳ 2026 - 2031. Quy chế phối hợp quy định cụ thể về trách nhiệm, phương thức, thời hạn phối hợp thực hiện các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Nội dung phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân phường tập trung vào các hoạt động:

a) Tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường;

b) Triển khai thực hiện và đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường thông qua.

c) Hoạt động giám sát, khảo sát: Phối hợp thực hiện chương trình giám sát hằng năm; cung cấp thông tin, tài liệu và giải trình các vấn đề theo yêu cầu của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân phường.

d) Công tác tiếp công dân; việc giải quyết kiến nghị của cử tri, kiến nghị sau giám sát, khảo sát, chất vấn, giải trình và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo luật định.

3. Nội dung phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội cùng cấp tập trung vào các hoạt động:

a) Tiếp xúc cử tri: Phối hợp xây dựng kế hoạch, tổ chức tiếp xúc cử tri; tổng hợp, phân loại, đôn đốc và giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

b) Phản biện xã hội: Thực hiện phản biện xã hội đối với các dự thảo Nghị quyết quan trọng liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

c) Tham gia xây dựng chính quyền: Mời tham gia các kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân và các hội nghị liên tịch thống nhất nội dung công tác.

Điều 42. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân phường chịu sự hướng dẫn và thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi đến công tác tại phường.

3. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan, đơn vị thuộc phường có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề Ban của Hội đồng nhân dân phường yêu cầu.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, để đảm bảo phù hợp với thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật có liên quan, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.